

**CÔNG TY TNHH TRAIN2LINK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRAIN2LINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAIN2LINK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRAIN2LINK CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107640972

**3. Ngày thành lập:** 21/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16, Ngõ 371/59, đường Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942769334

Fax:

Email: [anntupham@gmail.com](mailto:anntupham@gmail.com)

Website: [train2link.com](http://train2link.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8552                                                         |
| 2.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559                                                         |
| 3.  | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7010                                                         |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310                                                         |
| 5.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020(Chính)                                                  |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632                                                         |
| 7.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7820                                                         |
| 8.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7830                                                         |
| 9.  | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532                                                         |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7320                                                         |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4722                                                         |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773                                                         |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560                                                         |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh ( trừ những loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299                                                         |
| 15. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7810                                                         |
| 16. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8551                                                         |
| 17. | ( Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ NGỌC DIỆP

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/04/1981 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181002923

Ngày cấp: 22/07/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Pháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Pháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ NGỌC DIỆP

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181002923

Ngày cấp: 22/07/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Pháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Pháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội